



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 121432

VEWL.#: 41710

I-171#: (Y) NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN MINH HOANG
Last Middle First

Current Address: 32/4 NGUYEN HUU CAU, PHUONG 4, QUAN 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Date of Birth: AUGUST 10, 1938 Place of Birth: DA NANG, CENTRAL VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) ARMY OFFICER, MAJOR, 2nd IN COMMAND OF HEADQUARTER
(Rank & Position) COMPANY, AIRBORNE DIVISION

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From MAY 1975 To MAY 1984
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRI NGUYEN</u>	<u>SON</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 2/20/90

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN MINH HOANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DAO THI PHUONG MAI	DECEMBER 21, 1942	WIFE
NGUYEN THI PHUONG TRANG	JULY 8, 1967	DAUGHTER
NGUYEN MINH TIEN	JUNE 6, 1969	SON
NGUYEN MINH TAN	APRIL 29, 1971	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME AS ABOVE

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 121432

VEWL.#: 41710

I-171#: (Y) NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN MINH HOANG
Last Middle First

Current Address: 32/4 NGUYEN HUU CAU, PHUONG 4, QUAN 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Date of Birth: AUGUST 10, 1938 Place of Birth: DA NANG, CENTRAL VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) ARMY OFFICER, MAJOR, 2nd IN COMMAND OF HEADQUARTER
(Rank & Position) COMPANY, AIRBONE DIVISION

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From MAY 1975 To MAY 1984
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRI NGUYEN</u>	<u>SON</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 2/20/90

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN MINH HOANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DAO THI PHUONG MAI	DECEMBER 21, 1942	WIFE
NGUYEN THI PHUONG TRANG	JULY 8, 1967	DAUGHTER
NGUYEN MINH TIEN	JUNE 6, 1969	SON
NGUYEN MINH TAN	APRIL 29, 1971	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME AS ABOVE

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỒ NỘI VỤ
CỤC QL. VÀ CTPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRAI GIA TRUNG

Số: 79/

Đã Trung, Ngày 25 tháng 5 năm 1984

SERIAL: 0 0 0 8 7 8 1 1 5 1 2

GIẤY RA TRAI

Căn cứ chỉ thị số 316/TT ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-Nam về chính sách đối với binh sỹ hiện viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và các phần phân động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng Nội vụ số 07 tháng 11 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 259 ngày 20 tháng 4 năm 1984 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên: NGUYỄN MINH HOÀNG năm 1938

Sinh quán: Đà Nẵng

Trú quán: 32/11 Nguyễn Huệ Quận 1 TP. Hồ Chí Minh

Số lính: 584 122057 Cấp bậc: Thiếu tá

Chức vụ: Đại đội phó tổng hành dinh quân nhân nhảy dù

Trong quá trình làm việc quân sự và các tổ chức chính quyền phân động của chế độ cũ.

Lý do ra: Đại tá bị bắt qua dinh bảo lãnh

Khi về thì tiếp tục trình bày giải bày với ban phân động an xã, phường thuộc huyện, quận 1 tỉnh

thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quản chế và nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

Thời gian quản chế: 12 (mười hai) tháng

Thời gian đi đường: 05 ngày (từ ngày ra trại)

Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 2504.00

Lãnh nhận trả trợ phí: Chỉ ký của người

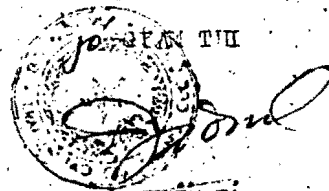
- Căn: Nguyễn Minh Hoàng (cấp cấp)

- Danh sách: 4592

- Lập trại: Quân pháp

Công thức tính chỉ 10 năm

Nguyễn Minh Hoàng



THIẾU TÁ
NGUYỄN DINH TUNG

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # 121432

Date: FEBRUARY 15TH 1986
Ngày: FEBRUARY 15 1986

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name: NGUYỄN MINH HOÀNG Sex: M
Họ, tên : NGUYỄN MINH HOÀNG Phái M
2. Other Names:
Họ, tên khác : /
3. Date/Place of Birth: August 10TH 1935 AA-NANG
Ngày/Nơi Sinh : August 10TH 1935 AA-NANG
4. Residence Address: 32/4 NGUYỄN HỮU CẦU (A)
Địa-chỉ thường-trú : 32/4 NGUYỄN HỮU CẦU (A)
Distric I, HO CHI MINH CITY
5. Mailing Address:
Địa-chỉ thư-tư : /
6. Current Occupation:
Nghề-nghiệp hiện tại : /

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai t-ình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>ĐÀO THỊ PHƯƠNG MẠI</u>	<u>December 21st 1942</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>Married</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>NGUYỄN T. PHƯƠNG TRANG</u>	<u>July 8th 1967</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
3. <u>NGUYỄN MINH TIẾN</u>	<u>June 6th 1969</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Single</u>	<u>SON</u>
4. <u>NGUYỄN MINH TÂN</u>	<u>April 29th 1971</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Single</u>	<u>SON</u>

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving:
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN MINH HOÀNG
2. Dates: From: February 24, 1959 To: April 30th 1975
Ngày, tháng, năm Từ: February 24, 1959 Đến: April 30th 1975
3. Last Rank: MAJOR Serial Number: 58A128037
Cấp-bậc cuối-cùng : MAJOR Số thẻ nhân-viên: 58A128037
4. Ministry/Office/Military Unit:
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung : Artillery Brigade
5. Name of Supervisor/C.O.:
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Tr. CAC VÂN VIÊN - Tr. LÊ QUANG LIỂN
G. D. QUỐC ĐỒNG

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: TRỊ NGUYỄN

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

: SON

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: 10/26/1982G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN MINH HOÀNG

2. School and School Address:

: Jungle Warfare School
Trường và địa-chỉ nhà trường: Johor-Baru, Malaya

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ: MAY 1966

To

Tới: June 1966 (42 days)

4. Description of Courses
Mô-tả ngành học

: Promotion 30th - Jungle Warfare School

5. Who paid for training?

Ai đài-thọ chương-trình huấn-luyện? : USA

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGUYỄN MINH HOÀNG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

Từ: June 15th 1975

To:

Tới: MAY 25th 1984

3. Skill in Reeducation?*

Yes

No

Bạn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.) Release certificate number
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.) 79. MAY 25th 1984

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Nguyễn Minh Hoàng was released on May 1984 - after spending 9 years in the reeducation camp
Việt Nam

Signature

Ký tên: [Signature]

Date

Ngày: February 15th 1986J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Married Certificate (1)
- Birth Certificate of the children (4)
- Birth Certificate of wife (1)
- ID of wife (1)
- Release Certificate (1)
- Photo (6)

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

970 BROAD STREET
NEWARK, NEW JERSEY 07102

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

TRI MING NGUYEN

NAME OF BENEFICIARY	
NGUYEN TIEN ,HOANG , TRANG MAI , TAN	
CLASSIFICATION	FILE NO.
201 B 203 A 5	
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
2 JUN 89	26 OCT 89

DATE: 26 OCTOBER 1989

The visa petition you filed has been approved. The beneficiary for whom you filed has been given the appropriate classification. Note the approval gives no assurance that the beneficiary will automatically be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Whether the beneficiary gets a visa is decided only when an application is made to a consular officer; whether the beneficiary is admitted or adjusts status in the United States is decided only when an application is made to an immigration officer.

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS PART OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE MADE TO THE UNITED STATES CONSUL.
2. ☐ IF YOU BECOME A NATURALIZED CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, PLEASE ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY BE HELPFUL TO THE BENEFICIARY IN GETTING A VISA FASTER.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THE SERVICE. THIS SERVICE DOES NOT ISSUE VISAS IN OTHER COUNTRIES. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE EMPLOYEES OF THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. VISAS ARE ISSUED ACCORDING TO THE DATE THE PETITION WAS FILED. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE ADDRESSED TO THE UNITED STATES CONSUL.
4. ☐ YOUR PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS. (IF THE BENEFICIARY PREVIOUSLY SUBMITTED SUCH AN APPLICATION AND HAD IT RETURNED, IT SHOULD BE RESUBMITTED WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON THE PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
6. ☐ THE PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT, HOWEVER, UNTIL A VISA NUMBER IS AVAILABLE. INFORMATION ABOUT VISA NUMBERS MAY BE OBTAINED FROM THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE, BUREAU OF CONSULAR AFFAIRS, WASHINGTON, D.C.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE BEING RETURNED WITH THIS FORM.
8. ☐ REMARKS.

VERY TRULY YOURS,

James P. [Signature]

DISTRICT DIRECTOR

Orderly Departure Program
American Embassy
APO San Francisco 96346

NGUYEN MINH HOANG
32/4 NGUYEN HUU CAU
P 04
Q 01
T/P HO CHI MINH
VIET NAM

IV Number : 121432

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction
Instructions

COM /ST

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

APR 17, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN MINH HOANG	BORN 10 AUG 38	(IV 121432)
DAO THI PHUONG MAI	BORN 21 DEC 42	WIFE
NGUYEN THI PHUONG TRANG	BORN 8 JUL 67	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN MINH TIEN	BORN 6 JUN 69	UNMARRIED SON
NGUYEN MINH TAN	BORN 29 APR 71	UNMARRIED SON

ADDRESS IN VIETNAM: 32/4 NGUYEN HUU CAU
P 04
Q 01
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 41710

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY,

BRUCE A. BEARDSLEY
DIRECTOR, BANGKOK, THAILAND
ORDERLY DEPARTURE OFFICE

ODP-I
07/83 9597730

SỞ TƯ- PHÁP

TRUNG- PHÂN

TÒA SƠ- THAM

QUẢNG- NAM tại ĐÀ- NẴNG

CHỨNG THƯ THAY GIẤY

KHAI- SINH

Số 1722

VIỆT- NAM CỘNG- HÒA

Năm một nghìn chín trăm năm mươi chín

ngày Mười Sáu tháng Hai hồi trưa

Trước mặt chúng tôi là Tu- Lộng

Chánh Án Tòa Sơ Thẩm Quảng- Nam tại ĐÀ- NẴNG ngồi tại văn

phòng có Ông Mai- xuân- Triết Lục sự giúp việc

CÓ ĐẾN HẦU TÒA

10) Nguyễn- văn- Thọ 22 tuổi, trú ngụ tại 61 Trần- Hưng- Đạo Đà- Nẵng

Căn- cước số 58A002010 cấp tại Hai- châu ngày 27.8.1955

20) Nguyễn- văn- Khương 33 tuổi, trú ngụ tại 48 Độc- Lập Đà- Nẵng

Căn- cước số 26A002820 cấp tại Hai- châu ngày 27.8.1955

30) Nguyễn- Kỳ- Toàn 38 tuổi, trú ngụ tại 63 Trần- Hưng- Đạo Đà- Nẵng

Căn- cước số 21A003042 cấp tại Hai- châu ngày 23.8.1955

Những người chứng nói trên, sau khi tâu nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật, đã khai và chứng nhận biết rõ:

NGUYỄN- MINH- HOÀNG Quốc- tịch Việt- Nam sinh ngày Mồng Mười

tháng Tám năm Một nghìn chín trăm ba mươi tám (1938)

tại Xã Phước- Ninh Thị- xã Đà- Nẵng.

là con của Ông Pierre Nguyễn- Văn- Đông và Bà Đỗ- Thị- Sơn

Mấy người này quả quyết rằng NGUYỄN- THỊ- TÍCH

không thể xuất nập giấy KHAI- SINH chân y thị được vì lẽ sổ hộ tịch chánh quán

bị phá hủy bởi những biến cố chiến tranh, hoặc bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều

và 47 Trưng - Hoàng- Việt Hộ Luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy KHAI- SINH

cấp cho Nguyễn- Minh- Hoàng để nập hồ sơ

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục sự.

Người đứng khai:

Những người chứng

Chánh Án

Lục sự

Nguyễn- Thị- Tích

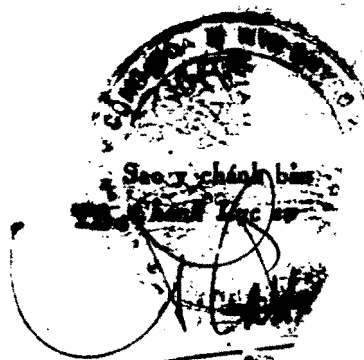
Nguyễn- văn- Thọ
Nguyễn- văn- Khương
Nguyễn- Kỳ- Toàn

Tu- Lộng Mai- xuân- Triết

đọc tại Đà- Nẵng, ngày 26-2-59

ở 14 và 84 số 4871-

CHỦ SỰ ký tên



JUDICIAL SERVICE
CENTRAL OF VIETNAM

REPUBLIC OF VIETNAM

PRIMARY COURT OF
QUANG-NAM AT DANANG CITY

EXTRACT FROM THE BIRTH CERTIFICATE
No: 1722

ON THIS SIXTEENTH DAY OF THE MONTH OF FEBRUARY OF THE
YEAR 1959 AT 8:00 AM, IN FRONT OF US IS, TU-DONG
PRESIDING JUDGE OF THE COURT OF QUANG-NAM AT DANANG CITY
AND Mr. MAI XUAN TRIET CLERK OF THE COURT, APPEARED

1) NGUYEN VAN THO AGE 22, RESIDES AT 61 TRAN HUNG DAO DANANG

ID CARD No 57A002010 ISSUED AT HAI CHAU ON AUGUST 27, 1955

2) NGUYEN VAN KHUONG AGE 33, RESIDES AT 48 DOC LAP DANANG

ID CARD No 26A002820 ISSUED AT HAI CHAU ON AUGUST 27, 1955

3) NGUYEN KY TOAN AGE 38, RESIDES AT 63 TRAN HUNG DAO DANANG

ID CARD No 21A003042 ISSUED AT HAI CHAU ON AUGUST 23, 1955

THE ABOVE WITNESSES DULY SWORN IN AND TESTIFIED KNOWING POSITIVELY THAT:

NGUYEN MINH HOANG, NATIONALITY VIETNAMESE WAS BORN ON THE TENTH OF AUGUST OF 1938
AT PHUOC NINH VILLAGE, DANANG CITY.

IS A CHILD OF Mr. PIERRE NGUYEN VAN CONG AND Mrs. DO THI SON

THE WITNESSES DETERMINED THAT NGUYEN THI TICH COULD NOT SUBMIT THE BIRTH CERTIFICATE OF
HER NEPHEW DUE TO THE FACT THAT THE REGISTER OF BIRTH, DEATH AND MARRIAGE WAS DESTROYED BY WAR &
THE ORIGINAL WAS LOST.

THE WITNESSES GAVE THE ABOVE TESTIMONY, THEREFORE WE ISSUED THE PRESENT DOCUMENT AS THE
SUBSTITUTE CERTIFICATION OF BIRTH FOR NGUYEN MINH HOANG AS PROVIDED BY THE DECREE 47
CENTRAL ROYAL OF VIETNAM CIVIL LAWS.

THE WITNESSES AFTER REVIEWING THIS, SIGNED BEFORE US, THE PRESIDING JUDGE AND THE CLERK OF THE
COURT.

PETITIONER

WITNESSES

PRESIDING JUDGE

CLERK OF THE COURT

NGUYEN THI TICH

NGUYEN VAN THO
NGUYEN VAN KHUONG
NGUYEN KY TOAN

TU-DONG

MAI XUAN TRIET

REGISTERED AT DANANG FEBRUARY 26, 1959

BOOK No: 74, PAGE 84, No: 4875

SIGNATURE OF CHIEF CLERK

OFFICIAL COPY FROM THE ORIGINAL

SIGNED AND SEALED
CHIEF COURT CLERK
SIGNATURE ILLEGIBLE

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, MAI LIEU, hereby certify that above is an accurate translation
of the original birth certificate in Vietnamese, and that I am competent in
both English and Vietnamese to render such translation.



catholic family &
community services
refugee services

10 JACKSON STREET, PATTERSON, NEW JERSEY 07051
2011 361-3352 • 44 LINCOLN AVENUE, DOVER, NEW JERSEY 07801

Mai Lieu, Date 5/11/89
(Signature of Translator)

Signed and Subscribed to before me

this 11 day of May, 1989

Jean C. Martoran
Signature of Notary Public
JEAN C. MARTORAN

NOTARY PUBLIC OF NEW JERSEY
My Commission Expires Aug. 19, 1990

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BẢN TRÍCH LỤC

XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THANH HÓA

BỘ HÔN-THƯ (Bậc 2)

Năm 1961

Số hiệu: 170

Người chồng: (Tên, họ)	NGUYỄN VĂN BÌNH
Sanh tại:	Xã Phước Ninh, Thị Xã Đà Nẵng
Sanh ngày:	10 - 3 - 1938
Cha chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	NGUYỄN VĂN BÌNH (s)
Mẹ chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	ĐỖ THỊ SEN (s)
Người vợ (Tên, họ)	ĐỖ THỊ PHƯƠNG HAI
Vợ (chánh hay vợ thứ)	Vợ chính
Sanh tại:	Hà Nội, Quận Thanh Xuân
Sanh ngày:	21 - 12 - 1942
Cha vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	ĐỖ VĂN THỌ (s)
Mẹ vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	NGUYỄN THỊ HỒNG (s)
Ngày cưới:	13 - 12 - 1961
Vợ chồng có khai nhận con tư- sinh làm con chánh-thức không? Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh, của mỗi con tư-sinh nhận là con chánh-thức.	Không

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
Kiểm Ủy viên Hộ-tịch Xã THANH HÓA

Đã ký, ngày 12 tháng 4 năm 1961

12 tháng 4 năm 1961

QUẬN

HỒ-VẤP

CHỖ CHỮ CHỮ

Trích y bản chánh:

THANH HÓA, ngày 11 tháng 4 năm 1961

Ủy viên Hộ-tịch.

Chủ tịch Ủy ban Hộ-tịch

Kiểm hộ-tịch

Chữ ký

CHỖ CHỮ CHỮ

YEAR: 1961

EXTRACT FROM THE MARRIAGE CERTIFICATE (FIRST GRADE)

No:178

HUSBAND'S NAME & SURNAME	NGUYEN MINH HOANG
PLACE OF BIRTH	PHUOC NINH VILLAGE, CITY OF DANANG
DATE OF BIRTH	AUGUST 10, 1938
NAME OF HUSBAND'S FATHER	PIERRE NGUYEN VAN CONG (LIVING)
NAME OF HUSBAND'S MOTHER	DO THI SON (LIVING)
WIFE'S NAME & SURNAME	DAO THI PHUONG MAI
WIFE'S STATUS	LEGAL
PLACE OF BIRTH	THANH MY TAY CLINIC
DATE OF BIRTH	DECEMBER 21, 1942
NAME OF WIFE'S FATHER	DAO VAN THO (LIVING)
NAME OF WIFE'S MOTHER	NGUYEN THI BANG (LIVING)
DATE OF MARRIAGE	DECEMBER 13, 1961
MARRIAGE AGREEMENT	NONE

TO CERTIFY: THE SIGNATURE OF THE CHAIRMAN OF
THANH MY TAY VILLAGE COUNCIL.

OFFICIAL COPY FROM THE ORIGINAL

GO VAP, APRIL 12, 1966
CHIEF OF DISTRICT: SIGNED & SEALED BY LE VAN AN

THANH MY TAY, APRIL 11, 1966
CHAIRMAN OF THANH MY TAY VILLAGE
COUNCIL: SIGNED & SEALED BY
HUYNH VAN CHUONG

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

MAI LIEU, hereby certify that above is an accurate translation
of the original Birth Certificate in Vietnamese, and that I am competent in
both English and Vietnamese to render such translation.

 catholic family &
community services
refugee services
10 JACKSON STREET, PATTERSON, NEW JERSEY 07801
908 361-3352 - 44 LINCOLN AVENUE, DOVER, NEW JERSEY 07801

Mai Lieu, Date 5/11/89
(Signature of Translator)

Signed and Subscribed to before me
this 11 day of May 1989

Jean Chorazewski
Signature of Notary Public

JEAN C. M.
NOTARY PUBLIC NEW JERSEY
My Commission Expires Aug. 19, 1990

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SỞ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE SAIGON)

K6

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Thanh Mỹ Tây
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1942 SỐ HIỆU 708
(Année) (Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Đào thi Phương Mai
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	21-12-1942
Sanh tại chỗ nào (lieu de naissance)	nhà báo sanh Thanh Mỹ Tây
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Đào văn Thọ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm việc
Nhà cha ở đâu (Son domicile)	Thanh Mỹ Tây
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Bông
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm việc nhà
Nhà mẹ ở đâu (Son domicile)	Thanh Mỹ Tây
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	vợ chánh thức bậc nhất

Chúng tôi, TRẦN MINH BẠNH
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông NGUYỄN VŨ THỊ NGỌC
(M.)

XÁC NHẬN Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

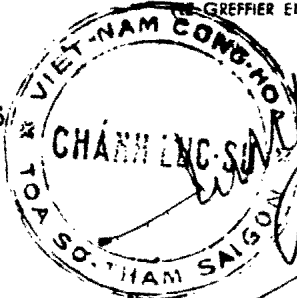
Saigon, ngày 5-5- 196 6

T. U. N CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 5-5- 196 6

KT CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền : 5.000
(Coût)
Biên-lai số : 4224
(Quittance no)

EXTRACTED FROM THE BIRTH CERTIFICATE THANH MY TAY GIA DINH

..... SOUTH VIETNAM

YEAR: 1942

No: 708

CHILD NAME & SURNAME	DAO THI PHUONG MAI
SEX	FEMALE
DATE OF BIRTH	DECEMBER 21, 1942
PLACE OF BIRTH	THANH MY TAY CLINIC
FATHER'S NAME & SURNAME	DAO VAN THO
PROFESSION	WORKER
ADDRESS	THANH MY TAY
MOTHER'S NAME & SURNAME	NGUYEN THI BANG
PROFESSION	HOUSEWIFE
ADDRESS	THANH MY TAY
WIFE'S STATUS	LEGAL

WE, TRAN MINH BAN

OFFICIAL COPY FROM ORIGINAL

BY THE ORDER OF THE CHIEF OF THE COURT
OF JUSTICE OF SAIGON, CERTIFY THE AUTHENTICITY
OF Ms VU THI NGOC
CHIEF COURT CLERK OF THE PRIMARY COURT

SAIGON, MAY 5, 1966
SIGNED & SEALED BY CHIEF
COURT CLERK OF THE PRIMARY
COURT VU THI NGOC

SAIGON, MAY 5, 1966
SIGNED & SEALED BY JUDGE TRAN MINH BAN

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, MAI LIEU, hereby certify that above is an accurate translation of the original
Birth Certificate in Vietnamese, and that I am competent in both English and Vietnamese
to render such translation.



10 JACOBSON STREET, PATERSON, NEW JERSEY 07651
201 381-3352 • 44 LINCOLN AVENUE, DOVER, NEW JERSEY 07801

Mai Lieu, Date 10/10/89
(signature of translator)
Signed and Subscribe to before me
this ____ day of ____ 1989

Signature of Notary Public

TAN IS - PORT MANN
NOTARY PUBLIC OF NEW JERSEY
My Commission Expires Aug. 19, 1990

CAPITAL OF SAIGON

VITAL STATISTICS

DISTRICT No: 01

CERT. No: 2379

Birth Certificate

YEAR: 1964

CHILD'S NAME AND SURNAME: NGUYEN MINH TRI SEX: MALE
DATE OF BIRTH: MAY 28, 1964 AT: 22:35 (10:35 PM) 48 MA LO, SAIGON
FATHER'S NAME & SURNAME: NGUYEN MINH HOANG, AGE 26
PROFESSION: OFFICER
ADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGON
MOTHER'S NAME & SURNAME: DAO THI PHUONG MAI, AGE 22
PROFESSION: HOUSEWIFE
ADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGON
WIFE'S STATUS: LEGAL

OFFICIAL COPY FROM
THE ORIGINAL:

SAIGON, NOV. 25, 1971

BY ORDER OF CHIEF OF FIRST DISTRICT

DEPUTY CHIEF OF THE FIRST DISTRICT

CERTIFICATE ISSUED: JUNE 1, 1964PLACE: SAIGON: SIGNED, STAMPED AND SEALED BY VO TAN THO

WITNESSES: 1/ _____

2/ _____

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, MAI HIEU, hereby certify that above is an accurate translation
of the original Birth Certificate in Vietnamese, and that I am competent in
both English and Vietnamese to render such translation.



catholic family
community services
refugee services

10 JACKSON STREET, PATTERSON, NEW JERSEY 07501
2011 381-3332 - 44 LINCOLN AVENUE, DOVER, NEW JERSEY 07801

Mai Hieu, Date 5/11/89
(signature of translator)

Signed and Subscribed to before me
this 11 day of May 1989

Jean C. Martorana
Signature of Notary Public

JEAN C. MARTORANA
NOTARY PUBLIC OF NEW JERSEY
My Commission Expires Aug. 19, 1990

ĐỒ 1

TH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA HÀN

NH QUÂN

nhất

HỘ-TỊCH

Số hiệu: 2379

★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYỄN LINH TRÍ
Phái	Nam
Ngày sanh	Hai mươi tám tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn; 22/5/64
Nơi sanh.	Saigon, 48 Mã-Lộ
Tên, họ người Cha.	Nguyễn-minh-Hoàng
Tuổi	26
Nghề-nghiệp.	ai-quan
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần văn Thạch
Tên, họ người Mẹ	Đào-thị Phương-Mai
Tuổi	22
Nghề-nghiệp	nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần văn Thạch
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 01 tháng 6 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

VS/6

Saigon, ngày 25 tháng II năm 1971

KT QUÂN-TRƯỞNG QUÂN NHẤT

Phó Quân-Trưởng,

CAPITAL OF SAIGON

VITAL STATISTICS

DISTRICT No: 01

CERT. No: 3325

Birth Certificate

YEAR: 1967

CHILD'S NAME AND SURNAME: NGUYEN THI PHUONG TRANG SEX: FEMALE

DATE OF BIRTH: JULY 8, 1967 AT: 20:25 (8:25 PM) 48 MA LO, SAIGON

FATHER'S NAME & SURNAME: NGUYEN MINH HOANG, AGE 29

PROFESSION: MILITARY MAN

ADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGON

MOTHER'S NAME & SURNAME: DAO THI PHUONG MAI, AGE 25

PROFESSION: HOUSEWIFE

ADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGON

WIFE'S STATUS: LEGAL

OFFICIAL COPY FROM
THE ORIGINAL:

SAIGON, OCTOBER 13, 1971

BY ORDER OF CHIEF OF FIRST DISTRICT

DEPUTY CHIEF OF THE FIRST DISTRICT

CERTIFICATE ISSUED: JULY 13, 1967

PLACE: SAIGON

: SIGNED, STAMPED AND SEALED BY VO TAN THO

WITNESSES: 1/ _____

2/ _____

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, MAI LIEU, hereby certify that above is an accurate translation
of the original Birth Certificate in Vietnamese, and that I am competent in
both English and Vietnamese to render such translation.

cf
CS catholic family & community services
refugee services

10 JACKSON STREET, PATERSON, NEW JERSEY 07601
2011 381-3332 • 44 LINCOLN AVENUE, DOVER, NEW JERSEY 07801

Mai Lieu, Date 5/11/89
(signature of Translator)

Signed and Subscribed to before me

this 11 day of May 19 89

Jean C. Martorana
Signature of Notary Public

JEAN C. MARTORANA
NOTARY PUBLIC OF NEW JERSEY
My Commission Expires Aug. 19, 1990

NAM-PHÂN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành - Chánh Quận

Số niếu : 3388

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

6

Năm một ngàn chín trăm ~~không~~ sáu mươi bảy (1967)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn Thị Phương Trang
Phái	NỮ
Ngày sanh	Tám tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 20/07/67
Nơi sanh	Saigon, 48 Mã Lộ
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn Minh Hoàng
Tuổi	29
Nghề-nghiệp	Quản lý
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần Văn Thạch
Tên, họ người Mẹ . .	Bà Thị Phương Mai
Tuổi	25
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần Văn Thạch
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 13 tháng 7 năm 1971

1971

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH :

Saigon, ngày 13 tháng 10 năm 1971

T.L. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN
Phó Quận trưởng



VÔ-TỆ

CAPITAL OF SAIGON

VITAL STATISTICS

DISTRICT No: 01CERT. No: 2455

Birth Certificate

YEAR: 1969CHILD'S NAME AND SURNAME: NGUYEN MINH TIEN SEX: MALEDATE OF BIRTH: JUNE 6, 1969 AT: 2:55AM 48 MA LO, SAIGONFATHER'S NAME & SURNAME: NGUYEN MINH HOANG, AGE 31PROFESSION: MILITARY MANADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGONMOTHER'S NAME & SURNAME: DAO THI PHUONG MAI, AGE 27PROFESSION: HOUSEWIFEADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGONWIFE'S STATUS: LEGALOFFICIAL COPY FROM
THE ORIGINAL:

SAIGON, JUNE 10, 1969

CERTIFICATE ISSUED: JUNE 7, 1969PLACE: SAIGON

BY ORDER OF CHIEF OF FIRST DISTRICT

DEPUTY CHIEF OF THE FIRST DISTRICT

: SIGNED, STAMPED AND SEALED BY HO VAN TU

WITNESSES: 1/ _____

2/ _____

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, MAI LIEU, hereby certify that above is an accurate translation of the original Birth Certificate in Vietnamese, and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

CFCS catholic family & community services
refugee services

10 JACKSON STREET, PATTERSON, NEW JERSEY 07601
2011 351-3352 - 44 LINCOLN AVENUE, DOVER, NEW JERSEY 07801

Mai Lieu, Date 5/11/89
(Signature of Translator)

Signed and Subscribed to before me

this 11 day of May 1989

Jean Charbon
Signature of Notary Public

JEAN C. MARTORANA
NOTARY PUBLIC OF NEW JERSEY
My Commission Expires Aug. 19, 1990

AM - PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ . ANH SAIGON

Đa Hành-Chánh Quận

Số hiệu : 455

*

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn Minh Tiến
Phái.	Nam
Ngày sanh	Sáu tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín. 2 giờ 55
Nơi sanh	Saigon, 48 Mã Lộ
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn Minh Hoàng
Tuổi.	31
Nghề-nghiệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần văn Thạch
Tên, họ người Mẹ. . .	Đào Thị Phương
Tuổi.	27
Nghề-nghiệp.	Hồi trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần văn Thạch
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 7 tháng 6 năm 1969

TRÍCH-LỤC Y BÀN CHÁNH :

Saigon, ngày 10 tháng 6 năm 1969

TL. QUÂN-TRƯỞNG QUẬN I

Trần Văn Trọng

1969

CAPITAL OF SAIGON

DISTRICT No: 01

CERT. No: 1809

VITAL STATISTICS

Birth Certificate

YEAR: 1971

CHILD'S NAME AND SURNAME: NGUYEN MINH TAN SEX: MALEDATE OF BIRTH: APRIL 29, 1971 AT: 7:35 am 48 MA LO, SAIGONFATHER'S NAME & SURNAME: NGUYEN MINH HOANG AGE 33PROFESSION: SECRETARYADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGONMOTHER'S NAME & SURNAME: DAO THI PHUONG MAI AGE 29PROFESSION: HOUSEWIFEADDRESS: 32/4 TRAN VAN THACH, SAIGONWIFE'S STATUS: LEGAL

OFFICIAL COPY FROM
THE ORIGINAL:
SAIGON, MAY 4, 1971

CERTIFICATE ISSUED: MAY 3, 1971PLACE: SAIGON

BY ORDER OF

CHIEF OF THE FIRST DISTRICT

: SIGNED, STAMPED AND SEALED BY PHAM VAN PHI

WITNESSES: 1/ _____

2/ _____

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, MAI LIEU, hereby certify that above is an accurate translation
of the original Birth Certificate in Vietnamese, and that I am competent in
both English and Vietnamese to render such translation.



catholic family &
community services
refugee services

10 JACKSON STREET, PATERSON, NEW JERSEY 07601
2011 361-3332 • 44 LINCOLN AVENUE, DOVER, NEW JERSEY 07801

mai lieu, Date 5/11/89
Signature of Translator

Signed and Subscribed to before me
this 11 day of May 19 89

Jean C. Martorana
Signature of Notary Public

JEAN C. MARTORANA
NOTARY PUBLIC OF NEW JERSEY
My Commission Expires Aug. 19, 1990

VIỆT-NAM

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐO-THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòamann-Chánh Quận

Số 1809

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt (1971)

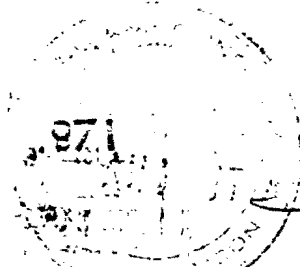
Tên, họ đưa vào	Nguyễn Minh Tân
Phái	Nam
Ngày sanh	Hai mươi chín tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt, 7/10/55
Nơi sanh	Saigon, 48 Lê Lợi
Tên, họ người Cha	Nguyễn Minh Hoàng
Tuổi	22
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần văn Thạch
Tên, họ người Mẹ	Đào tại Phương Mai
Tuổi	29
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 32/4 Trần văn Thạch
Vợ chính hay thứ	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 3 tháng 5 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 4 tháng 5 năm 1971

T.L. QUÂN-TRƯỞNG QUẬN



PHAM-VAN-PHI



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
HUỖNH VĂN HÈN
HUỖNH KIM CHI
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG
NGUYỄN VĂN GIỎI

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
HUỖNH VĂN HÈN
1st Vice-President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
2nd Vice-President
TRẦN KIM DUNG
3rd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỎI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer
HUỖNH KIM CHI
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

NGUYỄN XUÂN LAN

Mẫu Đơn Xin Gia-Nhập

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: _____ Tri Nguyen
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYỄN MINH HOANG
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên liêm: 12.00 (\$12.00)
Đóng góp ứng hồ: _____ (tùy ý)

TRI M. NGUYEN		2/21	19 90	178
		55-7895/2212		
PAY TO THE ORDER OF		Families of Vietnamese Political Prisoners Association, Twelve		\$ 12.00
				DOLLARS
Whippany Federal Credit Union 129 Littleton Road Parsippany, New Jersey 07054				
Memo		IV # 121432		



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
HUỖNH VĂN HÈN
HUỖNH KIM CHI
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG
NGUYỄN VĂN GIỚI

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
HUỖNH VĂN HÈN
1st Vice-President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
2nd Vice-President
TRẦN KIM DUNG
3rd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer
HUỖNH KIM CHI
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: _____ || Tri Nguyen _____
Địa chỉ: _____ || _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYỄN MINH HOANG

Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:

(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tủy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: 12.00 (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tủy ý)

Thủ tủy, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: _____

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter

2/28/90

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 181432

Date: TR
Ngày: FEBRUARY 15, 1986

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name NGUYỄN MINH HOANG Sex: M
Họ, tên : Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth August 10th 1938 AA-NANG
Ngày/Nơi Sinh : AA-NANG
4. Residence Address 32/4 NGUYỄN HỮU CẦU (TA)
Địa-chỉ thường-trú : District I, HO CHI MINH CITY
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : _____
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : _____

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>ĐÀO THỊ PHƯƠNG MAI</u>	<u>December 21st 1942</u>	<u>F</u>	<u>Female</u>	<u>Married</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>NGUYỄN T. PHƯƠNG TRĂNG</u>	<u>July 3rd 1967</u>	<u>F</u>	<u>Female</u>	<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
3. <u>NGUYỄN MINH TIẾN</u>	<u>June 6th 1969</u>	<u>M</u>	<u>Male</u>	<u>Single</u>	<u>SON</u>
4. <u>NGUYỄN MINH TÂN</u>	<u>April 29th 1971</u>	<u>M</u>	<u>Male</u>	<u>Single</u>	<u>SON</u>

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN MINH HOANG
2. Dates: From: February 24, 1974 To: April 30th 1975
Ngày, tháng, năm : Từ February 24, 1974 Tới April 30th 1975
3. Last Rank MAJOR Serial Number: 58^A 128037
Cấp-bậc cuối-cùng : MAJOR Số thẻ nhân-viên: 58^A 128037
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung : Airborne Brigade
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-chỉ/sĩ-quan chỉ-huy : G. CAO VĂN VIÊN - G. LÊ QUANG HIỂN
G. DU QUỐC ĐỒNG

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

I. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên: TRỊ NGUYỄN

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh: SON

c. Address
Địa-chỉ: 148 Eglant Avenue
Succa, mma New Jersey
07816

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ: 10/25/1982

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN MINH HOÀNG

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường: Jungle Warfare School
Takor-Baru, Malaya

3. Dates:
Ngày, tháng, năm From To
Từ: May 1966 Đến: June 1966 (42 days)

4. Description of Courses
Mô-tả ngành học: Promotion 30th - Jungle Warfare School

5. Who paid for training?
Ai đài-tho, chưỡng-trình huấn-luyện?: USA

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No
(CHÚ-Y: Xin bện kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGUYỄN MINH HOÀNG

2. Time in Reeducation: From To
Thời gian học-tập Từ: June 15th 1975 Đến: May 25th 1984

3. Skill in Reeducation? Yes No
Kỹ năng học-tập cải-tạo? Có Không

*If released, we must have a copy of your release certificate. Release certificate number
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.) 79, MAY 25th 1984.

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Nguyễn Minh Hoàng Was released on May 1984 - after spending 9 years in the reeducation camp
Nhà tù Việt Nam -

Signature

Ký tên: Trị

Date

Ngày: February 15th 1986

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

Married Certificate (1)
Birth Certificate of the children (4)
Birth Certificate of wife (1)
ID of wife (1)
Release Certificate (1)
Photo (6)

ĐOÀN VI
CỤC QL VÀ CTEN

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-X-X-X-X-

TRAI GIA TRUNG

Số: 79/

Gia Trung, Ngày 25 tháng 5 năm 1984

SERIAL:

0 0 0 8 7 8 1 1 5 1 2

GIẤY RA TRAI

Căn cứ của thị số 316/TTC ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và gia đình phải phân công hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng Nội vụ số 07 tháng 11 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 269 ngày 20 tháng 4 năm 1984 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên: NGUYỄN MINH HOÀNG Năm: 1938

Sinh quán: Đo. nông

Trú quán: 32/4 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Số lính: 584 123 057 Cấp học: Chiêu tá

Chức vụ: Đại đội phó tổng hoạch định chiến đấu

Trong quá trình chính quyền quốc sự và chế độ chính quyền phân định của chế độ cũ.

Lý do: Đai tòng binh, qua định báo lãnh

Khi về thì trực tiếp trình ngày nay với ban phân công an xã, phường thuộc huyện, quận 1 tỉnh

thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của Ủy ban nhân dân thành phố và việc quản chế về nơi cư trú và các mặt khác.

- Thời gian quản chế: 12 (mười hai) tháng

- Thời gian đi đường: 05 ngày (từ tỉnh đến nơi cư trú)

- Tiền và lương được đi đường đã cấp: 2500.00

Lãnh nhận tại trụ sở: Quê lý của người

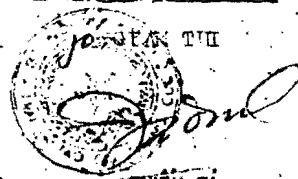
- Căn: Nguyễn Minh Hoàng cấp cấp

- Danh sách: 4592

- Lập tại: Quận pháp

Công thức địa chỉ 10 năm.

Nguyễn Minh Hoàng



THIỆU TÀ
NGUYỄN DIỄN TUNG

DECEMBER 27, 1989

Dear Mrs THO⁷

My name is Tri Nguyen, I lived in New Jersey and am working during the day and going to school at night. I arrived here in 1982, since then had been trying very hard to sponsor my family. I had completed everything from the U.S. government requirement for immigration, from I-130 to I-171, I also had the Letter Of Introduction from the State Department. But from the standpoint of the Vietnamese government, according to my mother, my case only started in 1988, and this case is based on me as a citizen of the United States. My mother wished to fasten the legal procedure, so she send me your address. I am asking you, please help us to do the proper way to sponsor my family as a dependent of my father, since he was an officer for the Republic Of Vietnam. I had heard that the two government are working together to get whoever stayed the longest in the re-education camp will be process faster. If this is true, my father had been in the re-education camp since 1975 and he was released in 1984. Let me tell you a little about my father, he was a major in the Airborne Division served under generals Cao Van Vien, Le Quang Luong and Du Quoc Dong. His serial # was 58/122037 KBC 3041. He was very ill when he came home and still after

5 yrs has not been able to get back to normal health, as you know most of prisoner from the camp, lucky to be alive after almost 10 yrs of hardship and no food, medicine had contracted some kind of sickness, my father was one of them. Enclosed please find a copy of ODP applicant, you will see more about my family status, a copy of Released Certificate. Please get in touch with me and show me the proper way to sponsor my family under my father status. May be together with my citizen status, my family will be process a little faster. Would you please help? You will see my address on the envelope, and this is my number at home (201)584-8035 & work (201)631-9368, if you like to call me. Thank You for your attention.

Sincerely Yours



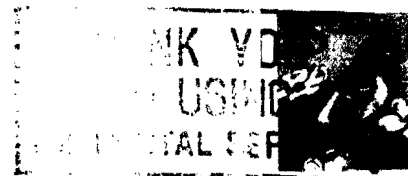
T. Nguyen

P.S.: HAPPY NEW YEAR TO YOU & FAMILY.

Th

Tri Nguyen

960



TO: Mrs KHUC MINH THO

CHU TICH HOI TU NHAN CHINH TRI CAI TAO

7813 MARTHAS LANE

FALLS CHURCH , VA 22043

GO 73



CONTROL

___ Card
___ ☒ Doc. Request; Form 1/22/90
___ Release Order
___ Computer
___ Form "D"
___ ODP/Date _____
___ Membership; Letter